

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 895/2017/DS-PT

Ngày: 27/9/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Mai

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Chí Sang
2. Bà Phan Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2017/TLPT-DS ngày 28/8/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 219/2017/DS-ST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z- Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1984/2017/QĐPT-DS ngày 05/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5205/2017/QĐ-PT ngày 21/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1965

Địa chỉ: B22/34 đường Q, Phường W, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình M, sinh năm 1974

Địa chỉ: 12/94 đường C, Phường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1965

Địa chỉ: 2A2 Khu phố N, phường M, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: 37/6 Tổ A Khu phố S, phường D, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Ích N

Địa chỉ: 321/3/3 đường D, phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 1068/7 đường H, phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Xuân H

Địa chỉ: B22/34 đường Q, Phường W, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Bình M là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 20 tháng 4 năm 2015, bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân Quận Z, yêu cầu bà Phạm Thị Thanh V trả cho bà số tiền 915.000.000 đồng đã vay (trong đó vốn vay là 900.000.000 đồng và 15.000.000 đồng tiền lãi phát sinh). Theo giấy mượn tiền năm 2005 thì bà V vay 900.000.000 đồng của bà T thời hạn trả số tiền vay là ngày 20/12/2014, các bên không thỏa thuận lãi suất. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo bà T trình bày: Do nhiều năm quen biết làm ăn với nhau nhiều lần bà T đã cho bà V mượn tiền. Nhưng đến 2005 bà T và bà V tổng kết lại số nợ của bà V nợ là 900.000.000 đồng và hẹn đến 20/12/2014 sẽ trả toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên, khi đến ngày trả nợ bà V đã không trả số tiền trên cho bà T dù bà T đã nhiều lần nhắc nhở và gửi thông báo đòi nợ nhiều lần. Nay bà yêu cầu bà V trả 900.000.000 đồng và lãi phát sinh từ 20/12/2014 đến nay theo lãi suất quy định của pháp luật là 215.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.115.000.000 đồng.

Việc bà V cho rằng số nợ này là do bà hùn vốn để làm ăn với bà V là không có căn cứ. Bà thừa nhận có quen biết và nhờ bà V mua đi bán lại bất động sản để kiếm lời nhưng đó là việc khác, không liên quan đến khoản nợ 900.000.000 đồng mà bà V ký với bà.

Nay bà T yêu cầu bà V trả cho bà số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định từ 20/12/2014 đến ngày xét xử, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Còn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập vi bằng ngày 30/3/2015 bà T sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Bà T không yêu cầu tòa giải quyết trong vụ án đòi nợ này.

Theo bà V trình bày tại các bản tự khai: Bà và bà T là chỗ quen biết, bà T thấy bà có nhiều mối quan hệ và cơ hội làm ăn, bà T đề xuất hùn vốn để làm ăn kiếm lời. Năm 2004, bà T đưa bà 180.000.000 đồng mua lô đất và bà T xây kiốt 20.000.000 đồng. Sau đó bà T nhờ bà bán dùm, giá 300.000.000 đồng, tiền lời chênh lệch là 100.000.000 đồng. Đến 2006, bà T tiếp tục tăng vốn 350.000.000 đồng để nhờ bà mua 1 miếng đất tốt hơn. Nhưng thời điểm đó thị trường bất động sản đóng băng, đất không bán được, việc làm ăn bị chậm lại. Do đó, đề thu hồi vốn đã hùn với bà, năm 2010 bà và bà T ký giấy xác nhận nợ bằng giấy mượn tiền 2010 với nội dung như giấy mượn tiền 2005 mà nguyên đơn xuất trình. Bà V không thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền 2005 nhưng thừa nhận có giấy mượn tiền 2010.

Đồng thời ngày 30/3/2015 bà và bà T thỏa thuận việc cân trừ số nợ 900.000.000 đồng theo giấy mượn tiền 2010 và giấy mượn tài sản 2005 bằng việc bà T giao toàn bộ giấy tờ và tiền của bà V nợ bà T cho con trai bà T là Trần Xuân H, để Trần Xuân H và bà V ký kết việc mua lại 1 lô đất diện tích 8m x 17 m. Việc mua bán này được lập vi bằng, đồng thời bà T cũng xác nhận đã giao toàn bộ giấy tờ cho con trai là ông Trần Xuân H và cam kết các giấy tờ trước đây về việc hùn vốn không còn liên quan. Vì những lí do trên nên bà V không đồng ý trả cho bà T số tiền 900.000.000 đồng.

Theo ông Trần Xuân H trình bày tại phiên tòa ngày 15/3/2017: Việc bà V thiếu nợ mẹ ông là bà T không liên quan đến ông. Còn việc bà V và ông ký hợp đồng vi bằng để mua 1 lô đất là một việc khác không liên quan đến khoản nợ trên. Ông H xác nhận ông và bà V đến văn phòng thừa phát lại lập vi bằng việc bà V chuyển nhượng cho ông phần đất có diện tích ngang 8m x 17m = 136m² giá 500.000.000 đồng. Thực chất ông không có giao tiền cho bà V, ông chỉ đến ký theo yêu cầu của mẹ ông là bà T.

Ngoài ra ông không có ý kiến nào khác.

Tại bản án sơ thẩm số 219/2017/DS-ST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z- Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bà Phạm Thị Thanh V trả số nợ 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng). Tổng cộng là 1.115.000.000 đồng (Một tỷ một trăm mười lăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền năm 2005.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 45.450.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) được cân trừ vào số tiền tạm nộp án phí sơ thẩm 19.725.500 đồng (Mười chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0005847 ngày 12/5/2015 của Chi cục thi hành án Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải nộp 25.724.500 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Ngày 07/7/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có ông Nguyễn Bình M đại diện có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Phạm Thị Thanh V do ông Nguyễn Ích N đại diện ủy quyền yêu cầu yêu cầu y sán sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T do ông Nguyễn Bình M đại diện kháng cáo cho rằng không chấp nhận bản án dân sự sơ thẩm số 219/2017/DS-ST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z- Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa Phúc thẩm xử buộc bà V phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 900 triệu đồng và lãi phát sinh theo qui định từ ngày 20/12/2014 đến ngày xét xử theo giấy mượn tiền năm 2005.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T do ông Nguyễn Bình M đại diện, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 219/2017/DS-ST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z- Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thanh V trả số tiền vay 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền năm 2005 và lãi phát sinh từ ngày 20/12/2014 đến ngày xét xử.

Phía bị đơn bà Phạm Thị Thanh V do ông Đinh Ích N đại diện cho rằng giấy mượn tiền năm 2005 do bà Nguyễn Thị Thanh T xuất trình không phải chữ viết và chữ ký của bà nên bà không đồng ý trả cho bà V số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) .

Ngày 6/7/2017, Tòa án nhân dân Quận Z - Thành phố Hồ Chí Minh đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T do ông Nguyễn Bình M đại diện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại kết luận giám định số 3039/C54B của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng cục Cảnh sát ngày 14/12/2015 (bút lục 97 và 97a) có nội dung cụ thể như sau:

“Không kết luận được chữ ký dạng chữ viết đọc được “V” chữ biết tên “Phạm Thị Thanh V” trên giấy mượn tiền đề năm 2005 (ký hiệu A) so với chữ ký chữ viết đứng tên Phạm Thị Thanh V trên 05 tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M5) là có phải do cùng một người ký và viết ra không...”.

Mặt khác, giấy mượn tiền năm 2005 (bút lục 56) bị đơn bà Phạm Thị Thanh V không thừa nhận chữ ký và chữ viết của bị đơn trong giấy mượn tiền.

Ngoài ra, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền năm 2005 (bút lục 56) là của bà Phạm Thị Thanh V.

Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là có căn cứ và đúng pháp luật nên giữ nguyên và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự phúc thẩm bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 01/7/2009.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có ông Nguyễn Bình M đại diện.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bà Phạm Thị Thanh V trả số nợ 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng). Tổng cộng là 1.115.000.000 đồng (Một tỷ một trăm mười lăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền năm 2005.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 45.450.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm nộp án phí sơ thẩm 19.725.500 đồng (Mười chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0005847 ngày 12/5/2015 của Chi cục thi hành án Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải nộp 25.724.500 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp nhưng được căn trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0034093 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Z - Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Z;
- Chi cục THADS Quận Z;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tuyết Mai